

Số: **02** /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày **03** tháng **01** năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030, định hướng đến năm 2035

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 17/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 04/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể khu và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020, định hướng đến 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh Đắk Nông về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 1391/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án quy hoạch vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030, định hướng đến năm 2035;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 267/TTr-SNN ngày 19 tháng 12 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030, định hướng đến năm 2035.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.



Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c)
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KTKH, CTTĐT, NN(H).

lo

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trương Thanh Tùng



Đắk Nông, ngày 03 tháng 01 năm 2019

KẾ HOẠCH

Thực hiện Đề án phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030, định hướng đến năm 2035
(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03/01/2019 của UBND tỉnh)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Hình thành các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo tiêu chí tại Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ với các loại cây trồng, vật nuôi thế mạnh của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Giai đoạn đến 2020

- Hình thành 3 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Ưu tiên các vùng mà sản phẩm đã có các dự án, doanh nghiệp đầu tư hoặc đã sản xuất theo phương thức ứng dụng công nghệ cao.

- Dự kiến giá trị sản xuất nông nghiệp công nghệ cao đến năm 2020 chiếm từ 5-7% trong giá trị sản xuất nông nghiệp của tỉnh.

- Dự kiến đến năm 2020 ít nhất có 3 doanh nghiệp ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao.

2.2. Giai đoạn 2021-2025

- Tiếp tục phát triển các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của giai đoạn 2018 - 2020

- Hình thành và phát triển 20 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nâng tổng số vùng lên 23 vùng vào năm 2025.

- Đưa giá trị sản lượng nông nghiệp công nghệ cao đến năm 2025 chiếm từ 20-25% trong giá trị sản xuất nông nghiệp của tỉnh.

- Dự kiến đến năm 2025 có thêm 3-4 doanh nghiệp ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao.

2.3. Giai đoạn 2026-2030

- Tiếp tục phát triển các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của giai đoạn 2018 - 2025

- Hình thành và phát triển thêm 20 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nâng tổng số vùng lên 43 vùng vào năm 2030. Đưa giá trị sản lượng nông

ngành công nghệ cao đến năm 2030 chiếm từ 35 - 40% trong giá trị sản xuất nông nghiệp của tỉnh.

- Dự kiến đến năm 2030 ít nhất có 10 doanh nghiệp ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao.

2.4. Giai đoạn 2031 - 2035

- Tiếp tục phát triển có hiệu quả 43 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hiện có, từng bước mở rộng quy mô và đối tượng; đồng thời hình thành và phát triển thêm 12 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao mới, nâng tổng số vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao lên 55 vùng vào năm 2035.

- Đưa tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chiếm ít nhất 60 -70% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp của tỉnh.

II. QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN VÙNG NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TỈNH ĐẮK NÔNG GIAI ĐOẠN 2018 – 2035

(Chi tiết tại phụ lục 1)

Từ nay đến năm 2035, dự kiến quy hoạch 55 vùng đủ điều kiện để xây dựng đạt tiêu chí nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh với tổng diện tích khoảng 28.636 ha. Cụ thể như sau:

- 17 vùng cà phê ứng dụng công nghệ cao với diện tích 15.600 ha
- 11 vùng hồ tiêu ứng dụng công nghệ cao với diện tích 6.420 ha
- 02 vùng ngô ứng dụng công nghệ cao với diện tích 600 ha
- 06 vùng cây ăn quả ứng dụng công nghệ cao với diện tích 1.800 ha
- 02 vùng nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao cá nước ngọt ao hồ nhỏ 450 ha
- 01 vùng sản xuất giống thủy sản ứng dụng công nghệ cao 20 ha
- 05 vùng nuôi bò thịt, bò sinh sản ứng dụng công nghệ cao 2.226 ha
- 03 vùng nuôi heo ứng dụng công nghệ cao 230 ha
- 01 vùng nuôi gia cầm ứng dụng công nghệ cao 60 ha
- 03 vùng rau ứng dụng công nghệ cao 630 ha
- 01 vùng lúa ứng dụng công nghệ cao 400 ha
- 01 vùng đậu tương ứng dụng công nghệ cao 200 ha
- 02 vùng nuôi cá nước ngọt cá lồng (800 lồng) ứng dụng công nghệ cao.

III. NGUỒN LỰC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được lồng ghép từ các nguồn lực hiện có và dự kiến nguồn lực trong tương lai. Tùy nhiệm vụ cụ thể, các Sở, ngành, địa phương xây dựng dự toán

trình cấp thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện, đồng thời huy động các nguồn lực hợp pháp khác để tăng cường khả năng thực hiện Kế hoạch.

IV. PHÂN CÔNG NGHIỆM VỤ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN

(Chi tiết như Phụ lục 2 đính kèm)

Trên đây là Kế hoạch triển khai Đề án phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030, định hướng đến năm 2035.

Yêu cầu các Sở, Ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện. Hàng năm, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo theo quy định./mtz

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trương Thanh Tùng

**PHỤ LỤC 1. TỔNG HỢP VÀ PHÂN KỶ QUY HOẠCH VÙNG NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO
TỈNH ĐẮK NÔNG GIAI ĐOẠN 2018 - 2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2035**
(Kèm theo Quyết định số 02 /QĐ-UBND ngày 03 / 01/2019 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung quy hoạch	Địa điểm	Quy mô	Phân kỳ quy hoạch			
				Giai đoạn 2018-2030			Giai đoạn 2030-2035
				2018-2020	2021-2025	2026-2030	
A	VÙNG NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO (55 VÙNG)		28.636 ha và 800 lồng cá	Đầu tư 3 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Đầu tư thêm 20 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, lũy kế 23 vùng	Đầu tư 20 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, lũy kế 43 vùng	Đầu tư 12 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao mới, lũy kế 55 vùng
I	Thị xã Gia Nghĩa (4 vùng)		1.200	500 ha	7.681 ha	12.430 ha; 200 lồng cá	9.300 ha; 600 lồng cá
I.1	Vùng cà phê		500				
1		Xã Đăk Nĩa	500				500
I.2	Vùng hồ tiêu		300				
1		Xã Đăk R'Moan	300				
I.3	Vùng cây ăn quả		300				
1		Các xã: Đăk Nĩa, Đăk R'Moan	300	125	175	200	
I.4	Vùng chăn nuôi		100				
1	Vùng bò thịt, bò sinh sản ứng dụng công nghệ cao	Xã Quảng Thành	100	100	200		100

		Phân kỳ quy hoạch				Quy mô	Địa điểm	Nội dung quy hoạch	
		Giai đoạn 2018-2030			2026-2030				Giai đoạn 2030-2035
		2018-2020	2021-2025	2026-2030					
TT		Đầu tư 3 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Đầu tư thêm 20 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, lũy kế 23 vùng	Đầu tư 20 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, lũy kế 43 vùng	Đầu tư 12 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao mới, lũy kế 55 vùng				
II		Huyện Cư Jút(5 vùng)	1.150 ha; 200 lồng cá	650 ha	200 lồng cá	500			
II.1		Vùng hồ tiêu	450	450					
1			450	450					
II.2		Vùng chăn nuôi	300			300			
1		Vùng bò thịt, bò sinh sản sản ứng dụng công nghệ cao	300			300			
II.3		Vùng nuôi trồng thủy sản	200 ha; 200 lồng cá		200 lồng cá	200			
1		Vùng thủy sản nước ngọt sản ứng dụng công nghệ cao	200			200			
2		Vùng thủy sản nước ngọt sản ứng dụng công nghệ cao	200 lồng cá		200 lồng cá				
II.4		Vùng đậu tương	200	200					
1		Vùng đậu tương sản ứng dụng công nghệ	200	200					

TT	Nội dung quy hoạch	Địa điểm	Quy mô	Phân kỳ quy hoạch				Giai đoạn 2030-2035
				Giai đoạn 2018-2030			2026-2030	
				2018-2020	2021-2025	2026-2030		
	cao			Đầu tư 3 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Đầu tư thêm 20 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, lũy kế 23 vùng	Đầu tư 20 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, lũy kế 43 vùng	Đầu tư 12 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao mới, lũy kế 55 vùng	
III	Huyện Đắk Glong (8 vùng)		2.950 ha		450 ha	2.100 ha	400 ha	
III.1	Vùng cà phê		900		300	600		
1		Xã Quảng Sơn	300		300			
2		Xã Quảng Khê, xã Đắk Som	600			600		
III.2	Vùng hồ tiêu		600			600		
1		Các xã: Quảng Sơn, Đắk Hà	600			600		
III.3	Vùng cây ăn quả		700		-	300	400	
1		Xã Quảng Khê	300			300		
2		Các xã: Quảng Sơn, Đắk Hà, Quảng Hà	400				400	
III.4	Vùng chăn nuôi		500		150	350		
1	Vùng bò thịt, bò sinh sản ứng dụng công nghệ cao	Xã Quảng Sơn, xã Đắk Hà	350			350		
2	Vùng chăn nuôi heo thịt gắn với giết mổ	Các xã: Quảng Khê, Đắk Hà, Đắk Som	150		150			

		Phân kỳ quy hoạch				Quy mô	Địa điểm	Nội dung quy hoạch	TT
		Giai đoạn 2018-2030			2030-2035				
		2018-2020	2021-2025	2026-2030					
		Đầu tư 3 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Đầu tư thêm 20 vùng nông nghiệp công nghệ cao, lũy kế 23 vùng	Đầu tư 20 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, lũy kế 43 vùng	Đầu tư 12 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao mới, lũy kế 55 vùng				
III.5	Vùng nuôi trồng thủy sản	250		250					
1		250		250		Xã Đăk Hà, xã Quảng Khê, Quảng Sơn			
IV	Huyện Đăk Mil (5 vùng)	5.620	620	3.000	2.000				
IV.1	Vùng cà phê	5.000		3.000	2.000				
1		3.000		3.000		Các xã: Thuận An, Đức Minh, Đức Mạnh, Đăk Lao			
2		2.000			2.000	Các xã: Đăk Săk, Long Sơn, Đăk N' Rôt, Đăk R'La			
IV.2	Vùng cây ăn quả	600	600						
1	Vùng sầu riêng chuyên canh	300	300			Các xã: Đức Mạnh, Thuận An, Đức Minh, Đăk Săk			
2	Vùng trồng xoài tập trung	300	300			Xã Đăk R'La, xã Đăk Găn			
IV.3	Vùng nuôi trồng thủy sản	20	20						

TT	Nội dung quy hoạch	Địa điểm	Quy mô	Phân kỳ quy hoạch			
				Giai đoạn 2018-2030			Giai đoạn 2030-2035
				2018-2020	2021-2025	2026-2030	
				Đầu tư 3 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Đầu tư thêm 20 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, lũy kế 23 vùng	Đầu tư 20 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, lũy kế 43 vùng	
1	Vùng sản xuất giống thủy sản	Xã Đức Minh	20	20			
V	Huyện Đắk R'lấp (11 vùng)		6.170	1.110	1.860	3.200	
V.1	Vùng cà phê		4.200	600	1.200	2.400	
1		Các xã: Nhân Đạo, Nghĩa Thắng	600	600			
2		Các xã: Quảng Tín, Đắk Ru	1.200		1.200		
3		Các xã: Đắk Sin, Đạo Nghĩa	1.200			1.200	
4		Các xã: Kiến Thành, Đắk Wer, TT Kiến Đức	1.200			1.200	
V.2	Vùng hồ tiêu		1.250	450	300	500	
1		Các xã: Đắk Sin, Hưng Bình	500			500	
2		Xã Nhân Đạo	300		300		
3		Các xã: Nhân Cơ, Đắk Wer	450	450			
V.3	Vùng cây ăn quả		300			300	

TT	Nội dung quy hoạch	Địa điểm	Quy mô	Phân kỳ quy hoạch			
				Giai đoạn 2018-2030			Giai đoạn 2030-2035
				2018-2020	2021-2025	2026-2030	
				Đầu tư 3 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Đầu tư thêm 20 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, lũy kế 23 vùng	Đầu tư 20 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, lũy kế 43 vùng	
1		Các xã: Đăk Wer, Nhân Cơ, Kiên Thành, Đăk Sin, Đăk Ru, Hưng Bình	300			300	
V.4	Vùng chăn nuôi		140	60	80		
1	Vùng chăn nuôi heo thịt gắn với giết mổ	Các xã: Đăk Sin, Hưng Bình	80		80		
2	Vùng chăn nuôi gia cầm gắn với giết mổ	Xã Quảng Tín	60	60			
V.5	Vùng rau		280		280		
1		Xã Đăk Wer và xã Kiên Thành	280		280		
VI	Huyện Đăk Song (9 vùng)		6.200	2.000	2.500	1.700	
VI.1	Vùng cà phê		2.900	1.000	900	1.000	
1		Các xã: Đăk Mol, Đăk Hoà	1.000	1.000			
2		Các xã: Đăk N'Drung, Năm N'Jang, Trường Xuân	900		900		



TT	Nội dung quy hoạch	Địa điểm	Quy mô	Phân kỳ quy hoạch			Giai đoạn 2030-2035
				Giai đoạn 2018-2030			
				2018-2020	2021-2025	2026-2030	
				Đầu tư 3 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Đầu tư thêm 20 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, lũy kế 23 vùng	Đầu tư 20 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, lũy kế 43 vùng	
3		Các xã: Thuận Hạnh, Thuận Hà, Nam Bình, Thị trấn Đức An	1.000			Đầu tư 12 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao mới, lũy kế 55 vùng	1.000
VI.2	Vùng hồ tiêu		2.800		1.000		500
1		Các xã: Thuận Hạnh, Thuận Hà, Nam Bình, Thị trấn Đức An	1.000		1.000		
2		Các xã: Đắc Mol, Đắc Hoà	500				500
3		Các xã: Đắc N'Drưng, Năm N'jang, Trường Xuân	1.300			1.300	
VI.3	Vùng cây ăn quả		300			300	
1		Các xã: Thuận Hạnh, Thuận Hà, Nam Bình	300			300	
VI.4	Vùng rau, củ, quả		150				150
1		Các xã: Thuận Hạnh, Thuận Hà, Nam Bình	150				150
VI.5	Vùng chăn nuôi sản ứng dụng công nghệ cao		50				50

TT	Nội dung quy hoạch	Địa điểm	Quy mô	Phân kỳ quy hoạch			
				Giai đoạn 2018-2030			Giai đoạn 2030-2035
				2018-2020	2021-2025	2026-2030	
				Đầu tư 3 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Đầu tư thêm 20 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, lũy kế 23 vùng	Đầu tư 20 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, lũy kế 43 vùng	
1	Vùng chăn nuôi heo	Xã Thuận Hạnh, xã Thuận Hà, xã Nam Bình, Nam Njang	3.201	3.151		50	
VII	Huyện Krông Nô (7 vùng)		3.151 ha; 600 lồng cá	1.451	1.700	600 lồng cá	
VII.1	Vùng cà phê		1.400		1.400		
1		Xã Đăk Drô	700		700		
2		Xã Nam Nung	700		700		
VII.2	Vùng trồng ngô		400	100	300		
1		Xã Buôn Choan	300		300		
2		Xã Đăk Nang	100	100			
VII.3	Vùng trồng lúa		400	400			
1		xã Buôn Choan	400	400			
VII.4	Vùng chăn nuôi		1.226	275	951		
1	Vùng bò thịt, bò sinh sản sản ứng dụng công nghệ cao	Xã Quảng Phú	1.226	275	951		

TT	Nội dung quy hoạch	Địa điểm	Quy mô	Phân kỳ quy hoạch			
				Giai đoạn 2018-2030			Giai đoạn 2030-2035
				2018-2020	2021-2025	2026-2030	
				Đầu tư 3 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Đầu tư thêm 20 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, lũy kế 23 vùng	Đầu tư 20 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, lũy kế 43 vùng	
VII.5	Vùng nuôi trồng thủy sản		600 lồng cá			600 lồng cá	
1	Vùng thủy sản nước ngọt sản ứng dụng công nghệ cao	Các xã: Buôn Choanh, Đăk Rô, Quảng Phú	600 lồng cá			600 lồng cá	
VIII	Huyện Tuy Đức (6 vùng)		3.270	1.100	670	1.500	
VIII.1	Vùng cà phê		2.100	600		1.500	
1		Các xã: Đăk R'tih, Quảng Tân	600	600			
2		Các xã: Quảng Tâm, Đăk Buk So, Quảng Trục	1.500			1.500	
VIII.2	Vùng hồ tiêu		720	300	420		
1		Các xã: Quảng Tâm, Đăk Buk So	300	300			
2		Các xã: Đăk R'tih, Quảng Tân, Đăk Ngo	420		420		
VIII.3	Vùng rau, củ, quả		200	200			
1		Các xã: Quảng Tâm,	200	200			

		Phân kỳ quy hoạch			
		Giai đoạn 2018-2030			
		2018-2020	2021-2025	2026-2030	Giai đoạn 2030-2035
		Đầu tư 3 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Đầu tư thêm 20 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, lũy kế 23 vùng	Đầu tư 20 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, lũy kế 43 vùng	Đầu tư 12 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao mới, lũy kế 55 vùng
TT	Nội dung quy hoạch	Địa điểm	Quy mô		
		Đắk Buk So			
VIII.4	Vùng chăn nuôi		250		250
1	Vùng bò thịt, bò sinh sản sản ứng dụng công nghệ cao	Các xã: Đắk R'tih, Quảng Tâm, Quảng Tân, Quảng Trục	250		250

PHỤ LỤC 2. KẾ HOẠCH CHI TIẾT
Nhiệm vụ và tổ chức thực hiện Đề án phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030, định hướng đến năm 2035
(Kèm theo Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03/01/2019 của UBND tỉnh)

Stt	Nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	Tổ chức công bố rộng rãi Đề án phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh	Năm 2019	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã;
2	Tham mưu cho UBND tỉnh Quyết định thành lập Tổ thẩm định và tổ chức Thẩm định vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (theo tiêu chí của tỉnh kèm theo quyết định phê duyệt đề án của UBND tỉnh và tiêu chí theo Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015) trình UBND tỉnh phê duyệt công nhận;	Hàng năm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã;
3	Tham mưu xây dựng, cơ chế chính sách khuyến khích hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; chủ trì phối hợp các Sở, Ban, ngành, địa phương thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo phân cấp ngân sách của UBND tỉnh	Năm 2019	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban, ngành có liên quan;
4	Tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, Ban, ngành phối hợp với các cơ quan, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao khoa học và công nghệ, đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh	Hàng năm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành có liên quan;

Stt	Nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
5	Thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, quản lý nhà nước lĩnh vực ngành phụ trách trong vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;	Hàng năm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã;
6	Thực hiện chế độ báo cáo UBND tỉnh, Thường trực Tỉnh uỷ về kết quả thực hiện Đề án.	Hàng năm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã;
7	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục dự án kêu gọi đầu tư và các dự án đầu tư vào Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; - Xây dựng các giải pháp huy động, bố trí, lồng ghép các nguồn vốn cho phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tham mưu cho UBND tỉnh đầu tư cho phát triển Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh hàng năm; - Thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng Công nghệ cao. 	Hàng năm	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã;
8	<ul style="list-style-type: none"> - Thẩm định, bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp theo phân cấp chi hỗ trợ phát triển Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; - Bố trí kinh phí thực hiện các chương trình, dự án, hỗ trợ lãi suất tín dụng theo chính sách được phê duyệt. 	Hàng năm	Sở Tài chính	Các Sở, Ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã;
9	<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu, trình UBND tỉnh phê duyệt và quản lý các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có liên quan đến phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao từ nguồn ngân sách nhà nước; - Nhân rộng dự án ứng dụng khoa học, công nghệ 	Hàng năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, Ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã;

Stt	Nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
10	<p>hiệu quả tập trung hỗ trợ phát triển vào Vùng nông nghiệp công nghệ cao;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp về công nghệ, thiết bị công nghệ cao ứng dụng vào nông nghiệp; - Hỗ trợ xây dựng, phát triển thương hiệu, chỉ dẫn địa lý; quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ đối với Sản phẩm và Vùng Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao 	Hàng năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, Ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã;
11	<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu UBND tỉnh về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phục vụ đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; - Tham mưu đề xuất các thủ tục liên quan về giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, dồn điền đổi thửa; hướng dẫn quy định về môi trường của các khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. - Tham mưu thực hiện chính sách hỗ trợ liên quan đến đất đai cho các tổ chức, cá nhân thực hiện đầu tư vào Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. 	Năm 2019	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, Ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã;
12	<p>Chủ trì nghiên cứu thực hiện các giải pháp phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tổ chức thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại nhằm tiêu thụ và quảng bá sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh, thực hiện các dự án khuyến công liên quan; tham mưu thực hiện giải pháp về công nghệ, máy móc, thiết bị, dịch vụ</p>	Năm 2019	Sở Công thương	Các Sở, Ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã;

Stt	Nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	phục vụ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.			
13	Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, Ban, ngành, địa phương tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao.	Năm 2019	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã;
14	Xây dựng kế hoạch và thực hiện hỗ trợ đào tạo, thu hút, sử dụng nhân lực công nghệ cao trong nông nghiệp.	Hàng năm	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã;
15	Tổ chức công bố, phổ biến nội dung đề án phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn huyện, thị xã đến các tổ chức, các nhân có liên quan trên địa bàn;	Năm 2019	UBND các huyện, thị xã	Các Sở, Ban, ngành có liên
16	Rà soát, báo cáo hiện trạng chi tiết các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo đề án được duyệt (theo tiêu chí của tỉnh và tiêu chí theo Quyết định số 66/QĐ-TTg ngày 25/12/2015)	Năm 2019	UBND các huyện, thị xã	Các Sở, Ban, ngành có liên quan
17	Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án trên địa bàn huyện, thị xã; kế hoạch cụ thể cho các hoạt động trong vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; dự kiến bố trí nguồn kinh phí, trình UBND tỉnh phê duyệt, phân công tổ chức thực hiện nhằm hoàn thành các mục tiêu cụ thể của Kế hoạch này.	Năm 2019	UBND các huyện, thị xã	Các Sở, Ban, ngành có liên quan

Stt	Nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
18	Triển khai thực hiện các hoạt động đối với các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và Trung tâm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Trình và phối hợp thẩm định Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;	Hàng năm	UBND các huyện, thị xã	Các Sở, Ban, ngành có liên quan
19	Chủ trì, phối hợp các Sở, Ban, ngành, thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo phân cấp ngân sách;	Hàng năm	UBND các huyện, thị xã	Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
20	Thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, quản lý nhà nước lĩnh vực ngành phụ trách trong vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn quản lý; thực hiện chế độ báo cáo UBND tỉnh về kết quả thực hiện Đề án trên địa bàn qua cơ quan thường trực (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).	Hàng năm	UBND các huyện, thị xã	Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
21	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, thu hoạch, sơ chế và bảo quản sản phẩm; thực hiện sản xuất ứng dụng công nghệ cao theo đúng quy hoạch, quy trình kỹ thuật, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, đảm bảo nâng cao chất lượng, giá trị, an toàn thực phẩm.	Hàng năm	Các doanh nghiệp, Hợp tác xã, cơ sở và hộ nông dân sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Các Sở, Ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã;
22	Đảm bảo kinh phí đối ứng để thực hiện các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.	Hàng năm	Các doanh nghiệp, Hợp tác xã, cơ sở và hộ nông dân sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Các Sở, Ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã;